

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2024

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: bà Hồ Thị Lan và ông Lê Như Toàn

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Phương Thanh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 293/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023, về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024, theo quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phạm Thị D, sinh năm 1991; nơi đăng ký thường trú: xóm D, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nơi tạm trú: tổ A, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Bị đơn: anh Hoàng Văn D1, sinh năm 1984; nơi đăng ký thường trú: thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nơi tạm trú: tổ A, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày:*

- Về tình cảm: chị D và anh D1 chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định vào ngày 17/02/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cách ứng xử của anh D1 trong đời sống vợ chồng, cụ thể: anh D1 luôn cho rằng ông N là người đã cưỡng bức chị D trước khi kết hôn và tự ám ảnh. Do vậy, anh D1 thường mang chuyện đó ra để dằn vò tinh thần của chị D, một sự việc, một sinh hoạt nhỏ anh D1 cũng nổi nóng với chị D làm cho vợ chồng cãi vã, xô sát, nếu ở mức độ căng thẳng hơn anh D1 sẵn sàng đánh đập chị D. Hơn thế, trong cuộc sống hằng ngày từ việc

nhỏ nhất nếu không đúng ý anh D1 thì anh D1 sẵn sàng chửi bới, xúc phạm chị D về nhân phẩm, nhân cách làm chị D luôn bị tổn thương trầm trọng về mặt tinh thần. Bên cạnh đó, anh D1 còn có quan hệ ngoại tình, tuy chị D không được chứng kiến nhưng thông qua những tin nhắn của anh D1 trong điện thoại với người phụ nữ đó và việc chồng của người phụ nữ đó đã 02 lần gọi điện cho chị D thông tin về sự việc vợ người đó và anh D1 có quan hệ tình cảm với nhau. Thực trạng trên đã diễn ra trong nhiều năm dẫn đến vợ chồng không còn sự thương yêu quý trọng lẫn nhau, không muốn tiếp thu bất cứ ý kiến gì từ phía đối phương và cuộc sống chung không có hạnh phúc. Bản thân chị D luôn cảm thấy bị tổn thương nghiêm trọng về mặt tinh thần và ảnh hưởng tiêu cực về mặt sức khỏe. Những áp lực từ cuộc sống gia đình nêu trên khiến chị D sợ phải chung sống với anh D1, nên đã phải bỏ việc và về quê sinh sống cùng bố mẹ đẻ. Thậm trí, chị D không dám nhận nuôi con chung vì sợ anh D1 sẽ gây áp lực cho chị D. Hiện chị D chỉ mong sớm được giải thoát để bản thân được ổn định về sức khỏe và tinh thần, đề nghị Toà án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh D1.

- Về con chung: anh, chị có 02 con chung là Hoàng Phạm Thanh T, sinh ngày 10/9/2015 và Hoàng Phạm Tuyết M, sinh 27/10/2017. Chị D nhất trí với quan điểm của anh D1 về con chung, cụ thể: anh D1 là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên và chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh D1.

- Về tài sản và khoản nợ chung: không có.

** Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà trình bày:*

+ Về tình cảm: xác nhận về thời điểm chung sống, kết hôn như chị D trình bày nêu trên. Ngoài ra, anh D1 trình bày: từ khi vợ chồng kết hôn, chung sống với nhau đến nay, bản thân anh D1 là người rất có trách nhiệm vun vén cho kinh tế gia đình, chị D cũng là người có lối sống lành mạnh, có trách nhiệm với gia đình. Tuy nhiên trong nhiều năm nay anh, chị thường xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không mấy hạnh phúc, căng thẳng mệt mỏi. Nguyên nhân là do cách vợ chồng ứng xử với nhau trong đời sống hàng ngày. Về phía chị D từ khi kết hôn đến nay chị D luôn có những ứng xử thiếu tinh tế, làm cho anh D1 bị ức chế. Nguyên nhân khác xuất phát từ bản thân anh D1 luôn bị ám ảnh về việc ông N cưỡng bức chị D trước khi kết hôn. Từ nỗi ám ảnh này đã ảnh hưởng đến cuộc sống hôn nhân vì bản thân anh D1 không thể thoát ra được nỗi ám ảnh này và luôn cảm thấy ảm ức. Do vậy từ những sinh hoạt nhỏ hàng ngày nếu không vừa ý thì anh D1 dễ nổi giận dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, xô sát. Khi mâu thuẫn căng thẳng không làm chủ được bản thân thì anh D1 cũng xúc phạm, đánh đập chị D. Từ những vấn đề trên tình cảm giữa vợ chồng ngày càng khó hòa hợp, anh D1 đã nhiều lần trao đổi với chị D để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng chị D không tiếp thu mà còn có lời lẽ coi thường anh D1. Nay anh D1 nhận thấy là phần lớn mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ suy nghĩ, từ cách ứng xử của anh D1 nên anh D1 rất mong vợ chồng có thêm thời gian để cùng nhau điều chỉnh những ứng xử không hợp lý trong quan hệ vợ chồng và trở về đoàn tụ với nhau. Anh Dũng không nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị D.

+ Về con chung: xác nhận tên tuổi các con chung như chị D trình bày nêu trên. Anh Dũng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh D1.

+ Về tài sản và khoản nợ chung: không có.

* Lời khai con chung Hoàng Phạm Thanh T có nguyện vọng muốn anh D1 là người trực tiếp nuôi dưỡng.

* Tại biên bản xác minh ngày 05/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, đại diện chính quyền địa phương cung cấp như sau: chị D và anh D1 là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký tạm trú và sinh sống tại địa bàn tổ 12B, khu D, phường H, thành phố H nhiều năm nay. Về mâu thuẫn vợ chồng địa phương không nắm được, chỉ thấy có lần chị D sang trình bày giữa anh chị có mâu thuẫn và muốn đại diện tổ dân khu phố đến nhà để hoà giải, nhưng sau đó chị D sợ anh D1 gây phiền hà cho mọi người nên không đề nghị nữa. Anh D2 và chị D đều có công việc làm và thu nhập ổn định, không có điều tiếng gì tại địa phương về lối sống, đều có trách nhiệm và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

* *Tại phiên tòa, Kiểm sát Viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến như sau:*

- Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều: 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị D về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"; xử cho chị Phạm Thị D ly hôn với anh Hoàng Văn D1; về con chung: giao cho anh D1 trực tiếp nuôi dưỡng 02 cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con với anh D1; về tài sản và khoản nợ chung: các đương sự trình bày không có, nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là "tranh chấp về ly hôn, nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự; tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn phố H, Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: tại phiên tòa sơ thẩm mở lần thứ nhất và lần thứ 2, nguyên đơn đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó việc xét xử

vắng mặt nguyên đơn đảm bảo đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

1- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: chị D và anh D1 chung sống với nhau vào năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định, là hôn nhân hợp pháp. Về mâu thuẫn vợ chồng, chị D và anh D1 đều có lời khai xác nhận trong nhiều năm nay anh, chị thường xảy ra mâu thuẫn, làm cho cuộc sống vợ chồng không mấy hạnh phúc, căng thẳng mệt mỏi. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng do xuất phát từ suy nghĩ, ứng xử của anh D1 trong đời sống vợ chồng, cụ thể: anh D1 luôn cho rằng ông N là người đã cưỡng bức chị D trước khi kết hôn, nên không thoát ra được sự ám ảnh đó. Chính vì thế, trong quá trình chung sống, chỉ từ những sinh hoạt nhỏ hàng ngày nếu không vừa ý thì anh D1 dễ nổi giận dẫn đến vợ chồng xảy ra xô sát. Khi mâu thuẫn căng thẳng không làm chủ được bản thân thì anh D1 cũng xúc phạm, đánh đập chị D.

Xét các đương sự đều có lời khai thừa nhận về mâu thuẫn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng như nêu trên, là tình tiết vụ án không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh D1 thừa nhận chị D có lối sống lành mạnh, có trách nhiệm với gia đình. Do đó, đủ cơ sở xác định xuất phát từ suy nghĩ không đúng đắn của bản thân nên trong đời sống vợ chồng anh D1 không có sự thương yêu quý trọng và thường xuyên có hành vi xúc phạm, đánh đập chị D. Từ suy nghĩ và cách ứng xử đó, đã làm cho hôn nhân của anh, chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ cho về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*

Đối chiếu với quy định trên, cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị D, xử cho chị D ly hôn với anh Hoàng Văn D1.

- Về con chung: anh, chị có 02 con chung tên, tuổi như nêu trên và cùng thống nhất anh D1 là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh D1. Xét thoả thuận của các đương sự là phù hợp, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, nên cần ghi nhận.

- Về tài sản và khoản nợ chung: các đương sự trình bày không có, nên không xét.

[3] Về án phí: chị Phạm Thị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều: 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí.

[2] Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị D, về việc: “tranh chấp về ly hôn, nuôi con”.

- *Về tình cảm*: xử cho chị Phạm Thị D ly hôn với anh Hoàng Văn D1.

- *Về con chung*: giao cho anh Hoàng Văn D1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Hoàng Phạm Thanh T, sinh ngày 10/9/2015 và Hoàng Phạm Tuyết M, sinh 27/10/2017 cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Phạm Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh D1 và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí: buộc chị Phạm Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị D đã nộp, theo biên lai thu số 0000013 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: bị đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố H;
- VKSND Tỉnh Quảng Ninh;
- UBND ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Nam Định;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự TP H;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hồng